TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 147/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 12 tháng 06 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn M** - Sinh năm: 1982 - Địa chỉ: 47 L, tổ 2, phường H, quận C, thành phố Đ.

- Và bà **Nguyễn Thị Ánh M** - Sinh năm: 1982 - Địa chỉ: 47 L, tổ 2, phường H, quận C, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M tự nguyện kết hôn vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống tại địa chỉ 47 L, tổ 2, phường H, quận C, thành phố Đ.Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2019 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cải vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng mặc dù sống chung một nhà nhưng phần ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M đó thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông M và bà M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Kỳ P - Sinh ngày 30 tháng 9 năm 2008 và Nguyễn Linh Đ - Sinh ngày 30 tháng 6 năm 2014 . Khi ly hôn ông M và bà M thỏa thuận: giao con chung tên Nguyễn Văn Kỳ P - Sinh ngày 30 tháng 9 năm 2008 cho ông Nguyễn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, giao con chung tên Nguyễn Linh Đ sinh ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho bà Nguyễn Thị Ánh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Ông M và bà M tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về nợ chung: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M: Ông M trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Kỳ P - Sinh ngày 30 tháng 9 năm 2008 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà M trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Linh Đ - Sinh ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị Ánh M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0000533 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông M và bà M đã nộp đủ lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Văn Nhớ